

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2020

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyến

Bà Nguyễn Thị Phụng

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 243/2020/HNGĐ-ST ngày 11/6/2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-DS ngày 07/9/2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện PL (nay là P), tỉnh Bình Phước ngày 02/4/1999, tổ chức hôn lễ theo đúng quy định pháp luật và phong tục địa phương.

Trong đời sống hôn nhân vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông T hay ăn nhậu, không lo cho vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi chơi. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H đề nghị được ly hôn với ông T.

+ *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình chung sống, bà H và ông T có 02 con chung là cháu Đỗ Văn L, sinh ngày 18/01/2000 và cháu Đỗ Văn V, sinh ngày 14/6/2002. Do các cháu hiện đều đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Khi ly hôn, các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Đỗ Văn T trình bày*: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Văn T đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn bà Phạm Thị H thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện ông Đỗ Văn T có nơi đăng ký thường trú tại thôn 6, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Đỗ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H, ông T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện PL (nay là P), tỉnh Bình Phước ngày 02/4/1999. Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông T là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả hai đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của bà H và kết quả xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống, trong đời sống hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm lo lắng cho nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Tòa án đã thông báo về việc thu lý vụ án nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của bà H cũng như trình bày về tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, có đủ căn cứ

xác định, đời sống hôn nhân của vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà H được ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Văn L, sinh ngày 18/01/2000 và cháu Đỗ Văn V, sinh ngày 14/6/2002. Do các cháu hiện đều đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Khi ly hôn, các bên đương sự tự thỏa thuận. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Đỗ Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị H và ông Đỗ Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011714, quyền số 0235, ngày 11/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

3/ *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Tấn Trường